TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHƯỚC** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2019/HS-ST
Ngày: 11-7-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Chí Khanh.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Hoàng Trung –** Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện Tân Phước;

2. Bà **Võ Thị Kim Loan –** Hiệu trưởng Trường THCS Phú Mỹ.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Minh Thành** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Tiến** – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10, 11 tháng 7 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 13/2019/TLST-HS ngày 15 tháng 5 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2019/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 6 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Nhựt Tr, sinh ngày 18/4/2002 tại TG.

Nơi cư trú: ấp 3, xã T, huyện C, tỉnh T; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Nhựt Th và bà Nguyễn Thanh T1; Bị cáo chưa có vợ, con; tiền sự: Không; tiền án: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/11/2018.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Thanh H (tên gọi khác: T), sinh năm 1994 tại TG.

Nơi cư trú: ấp 2, xã P, huyện T, tỉnh T; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hoá: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh S và bà Lê Thị Thu Th; Bị cáo chưa có vợ, con; tiền sự: 01 lần:

Ngày 02/12/2017, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh T ra Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã về hành vi sử dụng trái phép chất ma

túy. Thời hạn áp dụng biện pháp giáo dục tại xã là 03 tháng kể từ ngày 02/12/2017 đến ngày 02/3/2018; tiền án: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/11/2018.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Lê Văn Đ, sinh ngày 06/01/1999 tại TG.

Nơi cư trú: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh T; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn V và bà Nguyễn Thị Kim D; Bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: 01 lần:

Ngày 23/11/2017 bị Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 05 (năm) tháng 04 (bốn) ngày tù về tội "Trộm cắp tài sản", tại bản án hình sự sơ thẩm số: 35/2017/HS-ST ngày 23/11/2017 và trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa; tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/12/2018.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Quốc T, sinh năm 1995 tại LA.

Nơi cư trú: ấp P, xã T2, huyện T, tỉnh T; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc A và bà Nguyễn Thị Kiều L; Bị cáo chưa có vợ, con; tiền sự: 01 lần:

Ngày 12/6/2017, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T2, huyện T, tỉnh T ra Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Thời hạn áp dụng biện pháp giáo dục tại xã là 03 tháng kể từ ngày 12/6/2018 đến ngày 12/9/2018; tiền án: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/11/2018.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Nhựt T.*

1. Ông **Nguyễn Nhựt Th**, sinh năm 1981 là cha ruột của bị cáo (có mặt);

2. Bà **Nguyễn Thanh T1**, sinh năm 1984 là mẹ ruột của bị cáo (có mặt).

Cùng địa chỉ:ấp 3, xã T, huyện C, tỉnh T.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Nhựt T*:

Ông **Trần Xuân Hòa** - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T (có mặt).

- *Bị hại:*

1. **Trần Thị Kim N**, sinh năm 1987; Địa chỉ: Ấp 2, xã P, huyện T, tỉnh T (vắng mặt);

2. **Nguyễn Thị Thanh Tr**, sinh năm 1973; Địa chỉ: Ấp 4, xã T1, huyện T, tỉnh T (vắng mặt);

3. **Phạm Thị H**, sinh năm 1973; Địa chỉ: Ấp K, xã P, huyện T, tỉnh T (vắng mặt);

4. **Lương Hồng L**, sinh ngày 01/02/2001; Địa chỉ: Ấp 2, xã P, huyện T, tỉnh T (vắng mặt);

5. **Nguyễn Thị Anh T**, sinh năm 1998; Địa chỉ: Ấp M, xã B, huyện C, tỉnh Đ (vắng mặt);

6. **Huỳnh Thị Mỹ C**, sinh năm 1973; Địa chỉ: Ấp T, xã T2, huyện T, tỉnh T (vắng mặt);

7. **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1964; Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh T (vắng mặt);

8. **Nguyễn Thị Anh T**, sinh năm 1986; Địa chỉ: Ấp 6, xã T, huyện C, tỉnh T (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. **Nguyễn Thị Kiều L**, sinh năm 1974; Địa chỉ: Ấp T, xã T2, huyện T, tỉnh T (vắng mặt);

2. **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1984; Địa chỉ: ấp 3, xã T, huyện C, tỉnh T (vắng mặt);

3. **Nguyễn Thị Kim D**, sinh năm 1980; Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh T (vắng mặt);

4. **Nguyễn Thanh H**, sinh năm 1994; Địa chỉ: ấp 2, xã P, huyện T, tỉnh T (vắng mặt);

5. **Trần Thị K**, sinh năm 1973; Địa chỉ: ấp Đ, xã L, huyện C, tỉnh T (vắng mặt);

6. **Trần Quang K**, sinh năm 1988; Địa chỉ: ấp M, xã L, huyện C, tỉnh T (vắng mặt);

7. **Trần Văn H**, sinh năm 1968; Địa chỉ: ấp M, xã L, huyện C, tỉnh T (vắng mặt);

8. **Lê Thị Cẩm D,** sinh năm 2003.

Người đại diện hợp pháp của bị hại Lê Thị Cẩm D: Bà **Nguyễn Thị Cẩm T**, sinh năm 1984.

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh T (Cả hai cùng vắng mặt);

9. **Đậu Thanh H**, sinh năm 1978; Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh T (vắng mặt).

- *Người tham gia tố tụng khác:*

- *Người làm chứng*:

1. **Lê Tấn Đ**, sinh năm 1994; Địa chỉ: ấp 2, xã T1, huyện T, tỉnh T (vắng mặt);

2. **Trần Ngọc S**, sinh năm 1963; Địa chỉ: ấp G, thị trấn T, huyện C, tỉnh T (vắng mặt);

3. **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1981; Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh T (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Các bị cáo Nguyễn Nhựt Tr, Nguyễn Thanh H, Lê Văn Đ và Nguyễn Quốc T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh T truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 17 giờ 10 phút, ngày 23/11/2018 Nguyễn Nhựt Tr rủ Nguyễn Quốc T đi kiếm tài sản để chiếm đoạt bán lấy tiền mua ma túy để sử dụng, T đồng ý. T điều khiển xe mô tô 02 bánh biển số 51X1 - 2516 chở Tr đi đến xã T1, huyện T, tỉnh T. Khi đi qua cầu K thuộc tỉnh lộ 866B xã T1, huyện T, tỉnh T, Tr nhìn thấy chị Trần Thị Kim N, sinh năm 1987, ngụ ấp 2, xã P, huyện T, tỉnh T điều khiển xe mô tô 02 bánh hiệu Air Blade, màu trắng đỏ chở con trai tên Ngô Gia Q, sinh năm 2009 đang dừng xe bên trái đường để mua đồ. Tr nhìn thấy trên baga xe của chị N có để 01 túi xách màu nâu (bên trong có tiền 2.200.000 đồng, 01 đồng hồ đeo tay, 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu trắng, 01 sợi dây đeo cổ màu đen, 01 xâu chuỗi được kết bằng hạt nhựa màu nâu đen, lắc đeo chân màu trắng, 05 chiếc nhẫn vàng l8K và một số giấy tờ). Tr hỏi T "Mày thấy bà chạy xe Airblade không", T trả lời "Thấy" Tr tiếp tục hỏi T "Mày thấy cái giỏ xách bả để đằng trước không", T trả lời "Thấy". Tr kêu T quay xe lại để Tr giật giỏ xách của chị N. Khi T chạy xe quay lại thì chị N chạy xe về hướng lộ B2 thuộc xã T1. T chạy theo xe chị N 01 đoạn thì Tr kêu T "Để tao chạy xe cho, mày chồm qua lấy cái giỏ xách", T đồng ý. Tr chở T chạy theo chị N đến đoạn thuộc ấp 1, xã T1 thì Tr chạy xe áp sát xe của chị N, T dùng tay giật lấy túi xách của chị N, làm chị N té ngã xe, T kêu Tr "chạy đi", Tr tăng tốc chạy đi. Sau khi T giật được túi xách, do nắp đậy túi xách bị bung nên tiền, một số đồ vật và giấy tờ trong túi xách rớt ra, T nhìn thấy nhưng không dám kêu Tr dừng lại. Trên đường tẩu thoát, T lục tìm trong túi xách để lấy tài sản gồm: 250.000 đồng, 01 đồng hồ đeo tay, 02 hộp màu cam (loại hộp đựng vàng) bên trong có 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu trắng và 01 lắc đeo chân màu trắng, 01 sợi dây đeo cổ màu đen, 01 xâu chuỗi được kết bằng hạt nhựa màu nâu đen, còn túi xách và giấy tờ T luyện bỏ xuống bên trái đường. Số tiền 250.000 đồng T đưa Tr mua ma túy sử dụng chung, đồng hồ và xâu chuỗi Tr lấy đeo trên tay cho đến khi bị bắt. Sợi dây chuyền màu trắng Tr cho Nguyễn Thanh H, sinh năm 1994, ngụ ấp 2, xã P, huyện T, tỉnh T. Lắc đeo chân màu trắng Tr đốt cháy mới biết làm bằng nhựa. Còn 01 sợi dây đeo cổ màu đen T để đâu không nhớ. Sau đó, chị N trình báo sự việc đến Công an xã T1. Qua điều tra, các bị cáo Nguyễn Nhựt Tr và Nguyễn Quốc T khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tài sản bị chiếm đoạt trong vụ này gồm:

- 01 (một) túi xách nữ màu nâu bằng da tổng hợp, dạng hình hộp chữ nhật kích thước khoảng (30x10x20) cm, đã qua sử dụng. Bên trong chứa tài sản, giấy tờ như sau:

- Tiền Việt Nam: 2.200.000 đồng (hai triệu hai trăm nghìn đồng).

- 01 (một) hộp nhựa màu cam (loại hộp đựng vàng), bên trong có 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu trắng, đã qua sử dụng.

- 01 (một) hộp nhựa màu cam (loại hộp đựng vàng), bên trong có 01 xâu chuỗi được kết bằng hạt nhựa màu nâu đen, đã qua sử dụng.

- 01 (một) hộp nhựa màu cam (loại hộp đựng vàng), bên trong có 01 chiếc nhẫn vàng 18K, có hình ngân lượng, trọng lượng 08 phân; 01 chiếc nhẫn vàng 18K, có hình hoa hồng, trọng lượng 07 phân.

- 01 (một) hộp nhựa màu cam (loại hộp đựng vàng), bên trong có 01 chiếc nhẫn trơn vàng 18K, trọng lượng 2,5 phân và 01 chiếc nhẫn vàng 18K, có hình hoa văn, trọng lượng 2,5 phân.

- 01 (một) hộp nhựa màu cam (loại hộp đựng vàng), hộp không.

- 01 (một) chiếc nhẫn vàng 18K, hình con công, trọng lượng 09 phân.

Tổng trọng lượng 05 chiếc nhẫn vàng 18K nêu trên là 2,9 chỉ.

- 01 (một) đồng hồ đeo tay hiệu Quartz, thân bằng kim loại màu trắng có chữ Resistant Stainles Steel Back Water, mặt đồng hồ hình tròn, bằng kín, viền màu đen, mặt trên dây đồng hồ màu đen, mặt dưới màu vàng da bò, một đầu dây gắn móc kim loại màu trắng, đã qua sử dụng.

- 01 (một) sợi dây đeo cổ màu đen, gồm các hạt nhựa tròn kết lại với nhau, đã qua sử dụng.

- Giấy tờ gồm: Giấy chứng minh nhân dân, thẻ đảng viên, thẻ công chức, giấy phép lái xe, thẻ bảo hiểm y tế, thẻ ATM ngân hàng Agribank mang tên Trần Thị Kim N, thẻ ATM ngân hàng Agribank tên Trần Văn P, thẻ bảo hiểm y tế tên Ngô Gia Q và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 63B8-020.92 tên Ngô Quang T.

Căn cứ vào Kết luận số 97/KL-HĐ ngày 04/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự huyện T, kết luận: giá trị còn lại của đồng hồ đeo tay hiệu Quartz nêu trên là 90.000 đồng (chín mươi nghìn đồng), giá trị còn lại của xâu chuỗi nêu trên là 18.000 đồng (mười tám nghìn đồng).

Riêng đối với các tài sản bị chiếm đoạt gồm: túi xách, sợi dây đeo cổ và sợi dây chuyền, Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự huyện T không xác định giá trị.

Căn cứ Thông báo giá tài sản số 04/TB-PTCKH ngày 07/3/2019 của Phòng tài chính kế hoạch huyện T: giá bán ra vàng 18K ngày 23/11/2018 là 2.400.000 đồng/chỉ. Như vậy, giá trị tài sản bị chiếm đoạt (2,9 chỉ vàng 18K) là 6.960.000 đồng (sáu triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng).

Tổng giá trị tài sản thiệt hại trong vụ này là: 9.268.000 đồng.

Ngoài ra, trong quá trình điều tra, Nguyễn Nhựt Tr còn khai nhận cùng Nguyễn Thanh H, Lê Văn Đ, sinh năm 1999, ngụ ấp L, xã L, huyện C, tỉnh T thực hiện 07 vụ cướp giật tài sản khác trên địa bàn huyện T và huyện C. Cụ thể như sau:

*** Địa bàn huyện T:**

Vụ thứ 1: Vụ cướp giật tài sản xảy ra ngày 12/9/2018 tại ấp 4, T1, huyện T, tỉnh T (do Nguyễn Thanh H, Nguyễn Nhựt Tr thực hiện).

Do cần tiền để mua ma túy sử dụng, Nguyễn Thanh H rủ Nguyễn Nhựt Tr đi kiếm tài sản để cướp giật. Khoảng 10 giờ ngày 12/9/2018, Tr điều khiển xe mô tô 02 bánh biển số 63B3-032.13 chở H đi từ nhà Tr về hướng KCN L thuộc xã T1, huyện T, tỉnh T. Khi đi trên lộ đá xanh tuyến kênh T phía sau KCN L thuộc ấp 4, xã T1, huyện T, tỉnh T, Tr nhìn thấy chị Nguyễn Thị Thanh Tr, sinh năm 1973, ngụ ấp 4, xã T1, huyện T, tỉnh T đang đi bộ một mình cùng chiều về hướng hầm chui đường cao tốc, chị Tr cầm túi nilong màu vàng đựng bánh ít (đi đám giỗ về), trên cổ chị Tr có đeo 01 sợi dây chuyền (loại vàng 18K, trọng lượng 2,5 chỉ). Lúc này chị Tr đang đi bộ bên trái đường. Tr hỏi H "thấy gì không", H trả lời "thấy", Tr nói H "làm không", H trả lời "làm". Tr quay xe lại chạy qua chị Tr khoảng 100 mét thì quay xe lại, lúc này chị Tr đi qua bên phải hướng đi, Tr chạy xe áp sát bên trái người chị Tr, H dùng tay phải giật lấy sợi dây chuyền trên cổ của chị Tr. Tr nhìn thấy H giật được sợi dây chuyền qua kính chiếu hậu nên tăng tốc chạy về hướng hầm chui đường cao tốc. Sau khi về nhà Tr, H lấy sợi dây chuyền vừa giật được ra sửa lại móc do bị bung, có mặt dây chuyền. Sau đó, H đem sợi dây chuyền đến tiệm vàng L, địa chỉ ấp Đ, xã L, huyện C, tỉnh T do chị Trần Thị K, sinh năm 1973 làm chủ, cầm được 3.700.000 đồng (ba triệu bảy trăm nghìn đồng). Số tiền này, H đưa cho Tr 250.000 đồng để sửa xe của Tr, số tiền còn lại H và Tr mua ma túy sử dụng và tiêu xài chung hết. Sau khi xài hết tiền, H nhờ Lê Tấn Đ, sinh năm 1994, ngụ ấp 2, xã T1, huyện T, tỉnh T đem giấy cầm vàng đến tiệm vàng L bán sợi dây chuyền luôn được thêm 375.000 đồng. Số tiền này, H và Tr mua ma túy sử dụng hết.

Tài sản bị chiếm đoạt trong vụ này:

- 01 (một) dây chuyền vàng 18K, có hình dạng mắc xích dẹp, có mặt dây chuyền hình trái tim vàng 18K, tổng trọng lượng 2,5 chỉ. Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Căn cứ Thông báo giá tài sản số 52/TB-PTCKH ngày 08/10/2018 của Phòng Tài chính kế hoạch huyện T: giá bán ra vàng 18K ngày 12/9/2018 là 2.250.000 đồng/chỉ. Như vậy, giá trị tài sản bị chiếm đoạt trong vụ này là: 5.625.000 đồng (Năm triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Vụ thứ 2: Vụ cướp giật tài sản (dây chuyền) xảy ra ngày 12/8/2018 tại ấp K, xã P, huyện T, tỉnh T (do Nguyễn Thanh H, Lê Văn Đ thực hiện).

Do cần tiền để mua ma túy sử dụng, Lê Văn Đ rủ Nguyễn Thanh H đi kiếm tài sản để cướp giật. Khoảng 05 giờ 30 phút ngày 12/8/2018, Đ điều khiển xe mô

tô 02 bánh biển số 63B3-032.13 chở H đi trên tuyến lộ B2 hướng về bến đò K2. Khi đến bến đò K2, Đ và H đợi đò để sang tỉnh lộ 867 để đi Long Định. Lúc này chị Phạm Thị H, sinh năm 1973, ngụ ấp K, xã P, huyện T, tỉnh T đi xe đạp đang trên đò để sang bến đò Nam K2. Sau khi H và Đ xuống đò, H và Đ nhìn thấy trên cổ chị H có đeo 01 sợi dây chuyền (loại vàng 18K, trọng lượng 2,36 chỉ), H dùng tay bóp vào hông của Đ ra hiệu đi theo chị H để giật sợi dây chuyền của chị H. Sau khi lên đò, chị H điều khiển xe đạp một mình rẽ trái đi về hướng kênh cấm (lộ Nam K2) thuộc ấp K, xã P, huyện T, tỉnh T, Đ điều khiển xe chở H lên bến đò Nam K2 nhưng không đi theo chị H mà rẽ phải về hướng Long Định để tránh bị nghi ngờ. Đi được một đoạn Đ quay xe lại chạy theo chị H, Đ chạy xe áp sát xe chị H, H dùng tay phải giật lấy sợi dây chuyền trên cổ chị H, Đ tăng tốc chạy đi. Sau đó, Đ và H đem sợi dây chuyền vừa cướp được đến tiệm vàng L nêu trên bán được 4.400.000 đồng (bốn triệu bốn trăm nghìn đồng). Số tiền này, H và Đ mua ma túy sử dụng chung hết.

Tài sản bị chiếm đoạt trong vụ này:

- 01 (một) sợi dây chuyền vàng 18K, loại dây mắt xích, trọng lượng 2,36 chỉ. Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Căn cứ Thông báo giá tài sản số 01/TB-PTCKH ngày 02/01/2019 của Phòng tài chính kế hoạch huyện T: giá bán ra vàng 18K ngày 12/8/2018 là 2.350.000 đồng/chỉ. Như vậy, giá trị tài sản bị chiếm đoạt trong vụ này là 5.546.000 đồng (năm triệu năm trăm bốn mươi sáu nghìn đồng).

Vụ thứ 3: Cướp giật tài sản (điện thoại di động) xảy ra ngày 28/7/2018 tại ấp 2, xã P, huyện T, tỉnh T (do Nguyễn Thanh H, Nguyễn Nhựt Tr thực hiện).

Do cần tiền để mua ma túy sử dụng, khoảng 17 giờ ngày 28/7/2018, Nguyễn Thanh H và Nguyễn Nhựt Tr rủ nhau đi kiếm tài sản để cướp giật. Tr điều khiển xe mô tô 02 bánh biển số 63B3-032.13 chở H đi trên đường lộ kênh 3 hướng xã T2 đi xã P. Khi qua cầu kênh tuyến 4 khoảng 100 mét, Tr và H nhìn thấy chị Lương Hồng L, sinh ngày 01/02/2001, ngụ ấp 2, xã P, huyện T, tỉnh T điều khiển xe đạp điện đi ngược chiều một mình, trong túi áo bên trái của chị L có 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A71K, màu xanh, ốp lưng màu trắng ló ra. Tr nhìn thấy điện thoại trong túi của chị L, Tr hỏi H "mày có thấy cái điện thoại không" H trả lời "thấy". Tr quay xe lại chạy theo chị L. Chị L rẽ phải vào lộ dal kênh tuyến 4 (hướng kênh 3 đi kênh 2) khoảng 50 mét, Tr chạy xe áp sát xe chị L, H dùng tay phải giật 1ấy điện thoại của chị L, Tr tăng tốc chạy về hướng bến đò kênh 2. Sau đó, Tr và H đến cửa hàng điện thoại T, địa chỉ ấp M, xã L, huyện C, tỉnh T do anh Trần Quang K, sinh năm 1988 làm chủ, bán được 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng), Tr và H mua ma túy sử dụng chung hết.

Tài sản bị chiếm đoạt trong vụ này:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO A71K, màu xanh, đã qua sử dụng. Điện thoại có ốp lưng bằng nhựa, màu trắng, đã qua sử dụng. Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Căn cứ vào Kết luận số 104/KL-HĐ ngày 02/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự huyện T kết luận: giá trị còn lại của điện thoại di động và ốp lưng nên trên là 3.276.000 đồng (ba triệu hai trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

Vụ thứ 4: Cướp giật tài sản (dây chuyền) xảy ra ngày 08/9/2018 tại ấp 5, xã T1, huyện T, tỉnh T (do Nguyễn Thanh H, Nguyễn Nhựt Tr thực hiện).

Do cần tiền để mua ma túy sử dụng, Nguyễn Nhựt Tr rủ Nguyễn Thanh H đi kiếm tài sản để cướp giật. Khoảng 18 giờ ngày 08/9/2018, H điều khiển xe mô tô 02 bánh biển số 63B3-032.13 chở Tr đi trên tỉnh lộ 866B thuộc xã T1, huyện T, tỉnh T hướng từ cầu kênh N về cầu vượt số 10. Khi qua cổng khu Công nghiệp L một đoạn thuộc ấp 4, xã T1 thì Tr nhìn thấy chị Nguyễn Thị Anh T, sinh năm 1998, ngụ ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Đ đi bộ một mình cùng hướng, trên cổ chị T có đeo sợi dây chuyền (vàng 18K, trọng lượng 1,8 chỉ), Tr dùng tay vỗ đùi H để H nhìn thấy sợi dây chuyền trên cổ chị T. H chạy xe quay lại, lúc này chị T đang đi qua lộ trước phòng tập GYM DG, địa chỉ ấp 5, T1, huyện T, tỉnh T, H chạy xe áp sát người chị T, Tr dùng tay phải giật lấy sợi dây chuyền trên cổ của chị T, H tăng tốc chạy về hướng cầu kênh N. Sau đó, H và Tr đến tiệm vàng H, địa chỉ ấp M, xã L, huyện C, tỉnh T do Trần Văn H, sinh năm 1968 làm chủ, bán sợi dây chuyền vừa giật được 1.800.000 đồng (một triệu tám trăm nghìn đồng), H và Tr mua ma túy sử dụng chung hết.

Tài sản bị chiếm đoạt:

- 01 (một) sợi dây chuyền vàng 18K, hình xoắn ốc, mặt dây chuyền có hình trái tim có bông mai ở giữa. Tổng trọng lượng là 1,8 chỉ. Hiện tại Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Căn cứ Thông báo giá tài sản số 04/TB-PTCKH ngày 07/3/2019 của Phòng tài chính kế hoạch huyện T kết luận: giá bán ra vàng ngày 08/9/2018 là 2.350.000đ/chỉ. Như vậy, giá trị tài sản bị chiếm đoạt trong vụ này là 4.230.000 đồng (bốn triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng).

Vụ thứ 5: Cướp giật tài sản (dây chuyền) xảy ra ngày 23/11/2018 tại ấp T, xã T2, huyện T, tỉnh T (do Nguyễn Thanh H, Lê Văn Đ thực hiện).

Khoảng 18 giờ ngày 23/11/2018, Lê Văn Đ điều khiển xe mô tô 02 bánh biển số 63B9-859.19 chở Nguyễn Thanh H đi từ nhà H về hướng Khu Công nghiệp L trên lộ B2. Khi đi qua UBND xã T1 một đoạn, H và Đ nhìn thấy chị Huỳnh Thị Mỹ C, sinh năm 1973, ngụ ấp T, xã T2, huyện T, tỉnh T đang điều xe mô tô đi ngược chiều, trên cổ chị C có đeo 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng (vàng giả). H kêu Đ quay xe lại chạy theo chị C. Khi đến kênh S, chị C rẽ phải vào đường dal kênh S chạy về hướng K3. Đ và H chạy theo chị C đến đoạn thuộc ấp T, xã T2, huyện T, tỉnh T gần nhà chị C. Đ nhìn thấy chị C chuẩn bị rẽ phải vào nhà, Đ tăng tốc áp sát xe chị C, H dùng tay phải giật lấy sợi dây chuyền đeo trên cổ của chị C. Đ tăng tốc chạy đi. Sau đó, Đ và H đến tiệm vàng K, địa chỉ ấp G, thị trấn T, huyện C, tỉnh T do Trần Ngọc S, sinh năm 1963 làm chủ, H vào tiệm bán sợi dây chuyền nhưng không bán được vì vàng giả. Khoảng 20 giờ cùng ngày, H về đến

nhà và gặp Lê Thị Cẩm D (tên thường gọi Tr), sinh ngày 09/4/2003, ngụ ấp T, xã T2, huyện T, tỉnh T (bạn gái của H). H cho D sợi dây chuyền nêu trên, D lấy đeo trên cổ vài ngày thì sợi dây chuyền sậm màu, nghi vàng giả nên không đeo nữa.

Tài sản chiếm đoạt:

- 01 (một) sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, dài 44cm, trong đó có 01 đoạn 04 cm màu đen, đã qua sử dụng (do Lê Thị Cẩm D giao nộp).

Căn cứ vào Kết luận số 128/KL-HĐ ngày 03/4/2018 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự huyện T kết luận: Giá trị còn lại của sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, dài 44 cm, trong đó có 01 đoạn 04 cm màu đen nêu trên là 12.000 đồng (mười hai nghìn đồng).

*** Địa bàn huyện C:**

Vụ thứ 1: Vụ cướp giật tài sản xảy ra ngày 20/11/2018 tại ấp 4, xã T, huyện C, tỉnh T (do Nguyễn Thanh H, Nguyễn Nhựt Tr thực hiện).

Khoảng 17 giờ 00 ngày 20/11/2018, Nguyễn Thanh H điều khiển xe mô tô 02 bánh biển số 63B9 – 443.58 chở Nguyễn Nhựt Tr chạy trên lộ cặp bờ kênh S hướng từ cầu Rượu về hướng xã T, huyện C, tỉnh T. Khi đến cống đập thì phát hiện chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1964, ngụ ấp B, xã T, huyện C, tỉnh T điều khiển xe đạp một mình ngược chiều, trên cổ chị B có đeo sợi dây chuyền vàng 18K, trọng lượng 2,3 chỉ. Tr nhìn thấy dây chuyền nên kêu H quay lại giật. H điều khiển xe quay lại bám theo chị B. Khi đến đoạn cách cầu Rượu khoảng 20 mét thuộc ấp 4, xã T, huyện C, tỉnh T, H điều khiển xe áp sát bên trái xe chị B, Tr ngồi sau dùng tay phải giật được sợi dây chuyền có mặt cẩm thạch màu xanh, H tăng tốc bỏ chạy. Sau đó, H và Tr đem dây chuyền vừa giật được đến tiệm vàng H, địa chỉ ấp M, L, huyện C, tỉnh T do anh Trần Văn H, sinh năm 1968 làm chủ, bán được 3.700.000 đồng (ba triệu bảy trăm nghìn đồng), H và Tr mua ma túy sử dụng chung hết.

Tài sản bị chiếm đoạt:

- 01 (một) sợi dây chuyền vàng 18K, có mặt dây chuyền bằng cẩm thạch màu xanh, trọng lượng 2,3 chỉ. Hiện tại không thu hồi được.

Căn cứ vào Bản kết luận định giá tài sản số 06/KL-HĐ ngày 11/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C, kết luận: Tổng thiệt hại 2,3 chỉ vàng 18K trong vụ cướp nêu trên là 2,3 x 2.226.000 đồng = 5.119.800 đồng (Năm triệu một trăm mười chín nghìn tám trăm đồng).

Vụ thứ 2: Vụ cướp giật tài sản xảy ra ngày 23/11/2018 tại ấp 1, xã T, huyện C, tỉnh T (do Nguyễn Thanh H, Lê Văn Đ thực hiện).

Khoảng 19 giờ ngày 23/11/2018, Lê Văn Đ điều khiển xe mô tô 02 bánh biển số 63B9-859.19 chở Nguyễn Thanh H chạy trên đường dẫn cao tốc hướng từ vòng xoay Thân Cửu Nghĩa hướng về cầu Chợ Bưng. Khi đến quán cơm Kiều Giang (đoạn thuộc ấp 1, xã T, huyện C, tỉnh T) phát hiện chị Nguyễn Thị Anh T, sinh năm 1986, ngụ ấp 6, xã T, huyện C, tỉnh T đang điều khiển xe mô tô hiệu Vision có để một điện thoại di động hiệu Huawei ở túi quần bên phải ló ra bên ngoài. H nhìn thấy nên kêu Đ chạy theo áp sát và Đ dùng tay trái giật điện thoại rồi đưa cho

H giữ. Khi bị giật điện thoại thì chị T bị giật mình và té ngã bị thương. Sau đó, cả hai đem điện thoại đến dịch vụ cầm đồ H do chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1981, ngụ ấp P, xã P, thành phố M, tỉnh T cầm với giá 300.000 đồng, cả hai mua ma túy sử dụng chung. Sau đó, H đã chuộc lại điện thoại trên và đem đến tiệm mua bán điện thoại di động do anh Đậu Thanh H, sinh năm 1978, tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh T cầm với giá 350.000 đồng.

Tài sản bị chiếm đoạt trong vụ này:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Huawei, mặt trước màu trắng, mặt sau dáng hoa văn hình bông hoa màu hồng, điện thoại có 02 sim mạng Viettel nhưng bị khóa sóng; IMEI 866338021269847, IMEI 866338021370843, đã qua sử dụng.

Căn cứ vào Kết luận số 04/KL-HĐ ngày 04/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự huyện C kết luận: giá trị còn lại của điện thoại di động nên trên là 800.000 đồng (tám trăm nghìn đồng).

Vụ thứ 3: Vụ cướp giật tài sản do Nguyễn Thanh H và Nguyễn Nhựt Tr thực hiện (chưa xác định được bị hại).

Khoảng tháng 8, 9 năm 2018, Tr điều khiển xe mô tô 02 bánh biển số 63B3-032.13 đi qua cầu vượt số 10. Khi đến đoạn thuộc ấp T2, xã T, huyện Ch, tỉnh T thì phát hiện một người phụ nữ đi xe CUP 50 cùng chiều trên cổ có đeo dây chuyền. Tr chạy xe áp sát còn H thì ngồi sau dùng tay giật dây chuyền trên. Sau đó, H đem bán sợi dây chuyền trên được 1.000.000 đồng rồi mua ma túy sử dụng chung với Tr hết.

Vụ thứ 4: Vụ cướp giật tài sản do Nguyễn Thanh H và Nguyễn Nhựt Tr thực hiện (chưa xác định được bị hại).

Khoảng tháng 9 năm 2018, Tr điều khiển xe mô tô 02 bánh biển số 63B3-032.13 chở H đi đường cầu chợ Bưng hướng đến ấp 2, xã T, huyện C, tỉnh T. Khi đang đi cả hai phát hiện một người phụ nữ đi xe đạp ngược chiều trên cổ có đeo dây chuyền. Tr quay xe lại áp sát H ngồi sau giật dây chuyền nhưng không được nên tăng ga bỏ chạy.

Vụ thứ 5: Vụ cướp giật tài sản do Nguyễn Nhựt Tr và Lê Văn Đ thực hiện (chưa xác định được bị hại).

Khoảng tháng 10 năm 2018, Tr điều khiển xe mô tô 02 bánh biển số 63B3-032.13 chở Đ đi từ thành phố M đến chợ V, huyện C, tỉnh T. Khi đến đoạn cầu sắt thuộc ấp V, xã V, huyện C, tỉnh T. Tr và Đ phát hiện 01 người nữ đi xe SH mode ngược chiều, trên cổ có đeo dây chuyền vàng nên Tr quay lại áp sát người nữ để Đ dùng tay giật dây chuyền rồi tăng ga tẩu thoát. Sau đó, cả hai đem sợi dây chuyền trên đến tiệm vàng L bán với giá 1.800.000 đồng rồi mua ma túy dùng chung hết.

Đối với 03 vụ cướp giật tài sản trên, Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện C đã có thông báo truy tìm bị hại. Khi nào làm việc với bị hại sẽ điều tra xử lý sau.

Ngoài ra, bị cáo Lê Văn Đ còn khai cùng Lê Tuấn A, sinh năm 1995, ngụ ấp T, xã L, huyện C, tỉnh T thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản là xe mô tô 02 bánh hiệu

Exciter, màu trắng đỏ xảy ra ngày 09/11/2018 tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh T. Qua khám xét khẩn cấp nơi ở của Lê Văn Đ đã thu giữ: 01 (một) xe mô tô 02 bánh, không có biển số, không còn dàn áo xe, số khung: RLCE5P710AYO41974, số máy bị mài nhẵn, xe đã qua sử dụng và 01 (một) dàn áo xe mô tô đen trắng, bên trên có ghi chữ RC, phía đuôi xe có gắn biển số 63S6-1309, đã qua sử dụng. Đ thừa nhận đây là tang vật của vụ trộm nêu trên.

Hiện tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C đã thụ lý tin báo về trộm cắp tài sản trên để giải quyết.

*** Vật chứng thu giữ trong các vụ án**:

- 01 (một) xe mô tô 02 bánh biển số 51X1-2516, màu xám, số máy: 152FMH-01411512, số khung GHLX-3150000012, loại xe WAVE, trên thân xe có dán tem chữ FUTURE, xe không có bửng, không có mặt nạ trước, xe đã qua sử dụng.

- 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số A1677158, biển số 51X1-2516, số máy: 152FMH-01411512, số khung GHLX-3150000012, tên chủ xe Lý Như M, sinh năm 1955, ngụ số 8/3, tổ 3, ấp 9, K2, phường B, quận T, TP HCM.

- 01 (một) đồng hồ đeo tay hiệu Quartz, thân bằng kim loại màu trắng có chữ Resistant Stainles Steel Back Water, mặt đồng hồ hình tròn, bằng kín, viền màu đen, mặt trên dây đồng hồ màu đen, mặt dưới màu vàng da bò, một đầu dây gắn móc kim loại màu trắng, đã qua sử dụng (Thu giữ trên người Tr).

- 01 (một) xâu chuỗi được kết bằng hạt nhựa màu nâu đen, đã qua sử dụng (Thu giữ trên người Trường).

- 01 (một) dây chuyền màu trắng, có chiều dài 40 cm, đã qua sử dụng (do Lê Thị Thu Th, sinh năm 1968, ngụ ấp 2, xã P, huyện T là mẹ ruột của Nguyễn Thanh H giao nộp).

- 01 (một) giấy đăng ký xe và xe một mô tô 02 bánh biển số 63B3-032.13, màu bạc đen xám, nhãn hiệu Honda, số loại Wave S, số máy: 43E1704793; số khung: 4312BY147030, xe đã qua sử dụng. Giấy đăng ký xe và xe do chị Võ Thị Anh Đ, sinh năm 1983, ngụ ấp Đ, xã L, huyện C, tỉnh T là chủ cơ sở kinh doanh dịch vụ cầm đồ "TD" tự nguyện giao nộp.

- 01 (một) xe mô tô hai bánh (kiểu dáng tương tự loại xe SIRIUS YAMAHA), không rõ chủng loại, nhãn hiệu, trên xe gắn biển số 63AC-041.85, màu vàng nhạt, số khung RRKDCB6UMFXPO3909, số máy bị đục, xe không có bửng, kính chiếu hậu, xe đã qua sử dụng. Xe do ông Nguyễn Nhựt Th, sinh năm 1981, ngụ ấp 3, xã T, huyện C, tỉnh T là cha ruột của Tr tự nguyện giao nộp.

- 01 (một) xe mô tô 02 bánh biển số 63B9-443.58, màu đen nâu, số máy: RRSJA152FMH*0002553*, số khung không ghi nhận được do có dấu hiệu bị đục. Qua điều tra xác định đây là xe mô tô mà Nguyễn Thanh H đã sử dụng để làm phương tiện thực hiện vụ cướp giật tài sản xảy ra ngày 20/11/2018 tại ấp 4, xã T, huyện C, tỉnh T.

- 01 (một) sườn xe mô tô có số khung: RRSWCHIRSB1-002553, đã qua sử dụng; 01 sườn xe có số khung: không ghi nhận được; 02 ghi đông xe mô tô, đã qua

sử dụng; 02 (hai) gấp xe mô tô, đã qua sử dụng và 02 phuộc sau xe mô tô. Đây là các tài sản thu giữ trong quá trình khám xét khẩn cấp tại nhà Nguyễn Thanh H. Qua điều tra H khai nhận: đối với xe mô tô trên thì H mua phụ tùng xe ở bãi xe cũ ở ngã tư ĐT về lắp ráp lại thành chiếc xe nêu trên nên xe không có giấy đăng ký. Còn các phụ tùng còn lại là còn dư sau khi láp ráp xong.

- 01 (một) xe mô tô 02 bánh biển số 63B9- 859.19, nhãn hiệu YAMAHA, số loại LUVIAS, màu đỏ đen, số máy 1SK1027359, số khung SK10FY027352, xe đã qua sử dụng.

- 01 (một) xe mô tô 02 bánh, không có biển số, không có dàn áo xe, số khung: RLCE5P710AYO41974, số máy bị mài nhẵn, xe đã qua sử dụng.

- 01 (một) nhẫn đeo tay bằng kim loại, màu vàng. Hình dáng gồm 3 vòng nhỏ nối lại với nhau, được niêm phong theo quy định.

- 01 (một) chìa khóa xe ô tô màu đen, bên trên có ký hiệu của loại xe Mazda, đã qua sử dụng.

- 01 (một) dàn áo xe mô tô màu đen trắng, bên trên có ghi chữ RC, phía đuôi xe có gắn biển số 63S6-1309, đã qua sử dụng.

- 01 (một) hộp điện thoại di động màu trắng của điện thoại hiệu OPPO A71K.

- 02 (hai) biên nhận thanh toán kiêm phiếu giao hàng mang tên HL do Điện máy xanh Mỹ Phước xuất.

- 01 (một) sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, dài 44cm, trong đó có 01 đoạn 04 cm màu đen, đã qua sử dụng (do Lê Thị Cẩm D giao nộp).

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Huawei, mặt trước màu trắng, mặt sau dáng hoa văn hình bông hoa màu hồng, điện thoại có 02 sim mạng Viettel nhưng bị khóa sóng; IMEI 866338021269847, IMEI 866338021370843, đã qua sử dụng (do anh Đậu Thanh H tự nguyện giao nộp).

*** Về xử lý vật chứng:**

- 01 (một) xe mô tô 02 bánh biển số 51X1-2516 và giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số A1677158, biển số 51X1-2516, số máy: 152FMH-01411512, số khung GHLX-3150000012, tên chủ xe Lý Như M sinh năm 1955, ngụ số 8/3 Tổ 3, ấp 9, K2, phường B, quận T, TP HCM. Qua điều tra xác minh, xe này là do chị Nguyễn Thị Kiều L, sinh năm 1974, ngụ ấp T, xã T2, huyện T là mẹ ruột của Nguyễn Quốc T mua lại của người khác nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Chị L không biết T sử dụng xe này đi cướp giật tài sản nên Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trao trả lại xe và giấy đăng ký xe cho chị L.

- 01 (một) đồng hồ đeo tay hiệu Quartz; xâu chuỗi được kết bằng hạt nhựa màu nâu đen; dây chuyền màu trắng nêu trên: qua điều tra, xác định đây là tài sản do chị Trần Thị Kim N làm chủ sở hữu. Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trao trả lại cho chị N.

- 01 (một) xe mô tô 02 bánh biển số 63B3- 032.13 và giấy đăng ký xe; xe mô tô biển số 63AC-041.85. Qua điều tra, xác định đây là tài sản hợp pháp của chị

Nguyễn Thanh Th, sinh năm 1984, ngụ ấp 3, xã T, huyện C là mẹ ruột của Nguyễn Nhựt Tr. Chị Th không biết Tr sử dụng xe 63B3-032.13 đi cướp giật tài sản nên Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trao trả lại cho chị Th.

- 01 (một) xe mô tô 2 bánh biển số 63B9- 859.19, 01 nhẫn đeo tay bằng kim loại, màu vàng và 01 chìa khóa xe ô tô màu đen. Qua điều tra xác minh: các tài sản trên đều là tài sản hợp pháp của chị Nguyễn Thị Kim D, sinh năm 1980, ngụ ấp L, xã L, huyện C, tỉnh T là mẹ ruột của Lê Văn Đ làm chủ sở hữu. Chị D không biết Đ sử dụng xe này đi cướp giật tài sản nên Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trao trả lại cho chị D.

- 01 (một) xe mô tô 02 bánh, không có biển số, không còn dàn áo xe, số khung: RLCE5P710AYO41974, số máy bị mài nhẵn, xe đã qua sử dụng và 01 (một) dàn áo xe mô tô đen trắng, bên trên có ghi chữ RC, phía đuôi xe có gắn biển số 63S6-1309, đã qua sử dụng. Đây là các tang vật có liên quan đến vụ trộm cắp tài sản xảy ra ngày 09/11/2018 tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh T do Cơ quan CSĐT Công an huyện C đang thụ lý. Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã bàn giao cho Cơ quan CSĐT Công an huyện C xử lý theo thẩm quyền.

- 01 (một) sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, dài 44cm. Qua điều tra xác định sợi dây chuyền trên là do chị Huỳnh Thị Mỹ C làm chủ sở hữu. Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trao trả lại cho chị C.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Huawei. Qua điều tra xác định điện thoại trên là do chị Nguyễn Thị Anh T, sinh năm 1986, ngụ ấp 6, xã T, huyện C, tỉnh T làm chủ sở hữu. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trao trả lại cho chị T.

Hiện Cơ quan điều tra đã chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phước chờ xử lý gồm:

- 01 (một) xe mô tô 2 bánh biển số 63B9-443.58, màu đen nâu, số máy: RRSJA152FMH*0002553*, số khung không ghi nhận được do có dấu hiệu bị đục, xe đã qua sử dụng.

- 01 (một) sườn xe mô tô có số khung: RRSWCHIRSB1-002553, đã qua sử dụng; 01 sườn xe có số khung: không ghi nhận được; 02 ghi đông xe mô tô, đã qua sử dụng; 02 gấp xe mô tô, đã qua sử dụng và 02 phuộc sau xe mô tô.

- 01 (một) hộp điện thoại di động màu trắng của điện thoại hiệu OPPO A71K.

Riêng đối với 02 biên nhận thanh toán kiêm phiếu giao hàng mang tên H L do Điện máy xanh Mỹ Phước xuất do chị Lương Hồng L tự nguyện giao nộp cần lưu theo hồ sơ vụ án.

*** Về trách nhiệm dân sự:**

- Chị Trần Thị Kim N yêu cầu các bị cáo Tr và T bồi thường số tiền 9.160.000 đồng. Bị cáo Tr và T thống nhất theo yêu cầu của chị N, mỗi bị cáo chịu trách nhiệm bồi thường 4.580.000 đồng. Hiện gia đình của các bị cáo đã bồi thường xong. Chị N đã nhận đủ tiền và có đơn bãi nại.

- Chị Lương Hồng L yêu cầu các bị cáo Tr và H bồi thường số tiền 3.276.000 đồng. Bị cáo Tr và H thống nhất theo yêu cầu của chị L, mỗi bị cáo chịu trách nhiệm bồi thường 1.638.000 đồng. Hiện gia đình của các bị cáo đã bồi thường xong. Chị L đã nhận đủ tiền và có đơn bãi nại.

- Chị Nguyễn Thị Anh T, sinh năm 1998, ngụ ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Đ yêu cầu các bị cáo Tr và H bồi thường số tiền 4.230.000 đồng. Bị cáo Tr và H thống nhất theo yêu cầu của chị T, mỗi bị cáo chịu trách nhiệm bồi thường 2.115.000 đồng. Hiện gia đình của các bị cáo đã bồi thường xong. Chị T đã nhận đủ tiền và đơn bãi nại.

- Chị Nguyễn Thị Thanh Tr yêu cầu các bị cáo Tr và H bồi thường số tiền 5.625.000 đồng. Bị cáo Tr và H thống nhất theo yêu cầu của chị Tr, mỗi bị cáo chịu trách nhiệm bồi thường 2.812.500 đồng. Hiện gia đình của các bị cáo đã bồi thường xong. Chị Tr đã nhận đủ tiền và có đơn bãi nại.

- Chị Phạm Thị H yêu cầu các bị cáo H và Đ bồi thường số tiền 5.546.000 đồng. Bị cáo H và Đ thống nhất theo yêu cầu của chị H, mỗi bị cáo chịu trách nhiệm bồi thường 2.773.000 đồng. Hiện gia đình của các bị cáo đã bồi thường xong. Chị H đã nhận đủ tiền và không có yêu cầu gì khác.

- Chị Nguyễn Thị B yêu cầu các bị cáo Tr và H bồi thường số tiền 5.120.000 đồng. Bị cáo Tr và H thống nhất theo yêu cầu của chị B, mỗi bị cáo chịu trách nhiệm bồi thường 2.560.000 đồng. Hiện gia đình của các bị cáo đã bồi thường xong. Chị B đã nhận đủ tiền và có đơn bãi nại.

- Chị Huỳnh Thị Mỹ C và Nguyễn Thị Anh T sinh năm 1986, ngụ ấp 6, xã T, huyện C, tỉnh T: không yêu cầu các bị cáo H và Đ bồi thường.

Trong vụ cướp giật xảy ra ngày 23/11/2018, tại ấp 1, xã T1, huyện T, tỉnh T do bị cáo Tr và T thực hiện. Hành vi phạm tội của 02 bị cáo làm cho chị Trần Thị Kim N té ngã xuống đường dẫn đến gãy ngành ngồi mu trái, chấn thương phần mềm bàn chân trái. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, chị N từ chối giám định tỉ lệ thương tật nên không có cơ sở xử lý Tr và T với tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự là "*Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác*".

Đối với vụ cướp giật xảy ra ngày 23/11/2018, tại ấp 1, xã T, huyện C, tỉnh T do bị cáo H và Đ thực hiện. Hành vi phạm tội của 02 bị cáo làm cho chị Nguyễn Thị Anh T, sinh năm 1986, ngụ ấp 6, xã T, huyện C, tỉnh T té ngã gãy răng, xây xát da ở tay và chân. Tuy nhiên, chị T từ chối giám định tỉ lệ thương tật; Trung tâm pháp y tỉnh T từ chối giám định tỷ lệ thương tật do không có giấy chứng nhận thương tích nên không có cơ sở xử lý H và Đ với tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự là "*Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác*".

Về hành vi của Nguyễn Thanh H, Trần Thị K, Trần Quang K, Trần Văn H, Trần Ngọc S, Lê Thị Cẩm D, Nguyễn Thị H và Đậu Thanh H sau khi nhận tài sản từ các vụ cướp giật trên không biết nguồn gốc là do phạm tội mà có nên không có

cơ sở xem xét xử lý hình sự. Riêng Lê Tấn Đ hiện không có mặt ở địa phương. Khi nào Cơ quan điều tra làm việc sẽ điều tra, xử lý sau.

Tại bản cáo trạng số 14/CT-VKS-TP ngày 15/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện T để xét xử đối với các bị cáo Nguyễn Nhựt Tr, Nguyễn Thanh H, Lê Văn Đ và Nguyễn Quốc T về tội "Cướp giật tài sản" theo quy định tại Điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận xác định: Các bị cáo Nguyễn Nhựt Tr, Nguyễn Thanh H, Lê Văn Đ và Nguyễn Quốc T đã thừa nhận toàn bộ hành vi của mình là vào khoảng thời gian từ tháng 7 đến tháng 11 năm 2018, bị cáo Nguyễn Nhựt Tr đã thực hiện 05 vụ cướp giật tài sản có tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 27.518.800 đồng; bị cáo Nguyễn Thanh H đã thực hiện 07 vụ có tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 24.608.800 đồng; bị cáo Lê Văn Đ đã thực hiện 03 vụ có tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 6.358.000 đồng; bị cáo Nguyễn Quốc T thực hiện 01 vụ trị giá tài sản là 9.268.000 đồng. Các bị cáo đã có hành vi dùng xe mô tô phân khối lớn chạy trên đường và giật tài sản của bị hại nên phải chịu tình tiết tăng nặng định khung hình phạt theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự. Vì vậy, các bị cáo phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình. Do đó có cơ sở xác định các bị cáo Nguyễn Nhựt Tr, Nguyễn Thanh H, Lê Văn Đ và Nguyễn Quốc T đã phạm tội "Cướp giật tài sản" theo điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh H từ 05 đến 06 năm tù; áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; Điều 38; điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Lê Văn Đ từ 04 đến 05 năm tù; áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1, khoản 2 Điều 52; Điều 90, 91, 101 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Nhựt Tr từ 03 đến 04 năm tù; áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc T từ 03 đến 04 năm tù; xử lý vật chứng của vụ án và bị cáo phải chịu án phí theo qui định.

Người bào chữa cho bị cáo Tr thống nhất với ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh và khung hình phạt mà điều luật đã quy định. Bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 là bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho bị hại; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cãi; bị hại xin xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, gia đình bị cáo có công với cách mạng, đây các là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra cần xem xét bị cáo là người có nhân thân tốt, khi phạm tội bị cáo mới hơn 16 tuổi, nhận thức còn hạn chế, phạm tội do bạn bè rủ rê, mục đích cướp giật chỉ nhằm mua ma túy sử dụng và là nạn nhân của ma túy, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, là nhân dân lao động, bị cáo khai nhận giật tài sản có giá trị thấp hơn giá trị mà bị hại khai nhận nhưng bị cáo vẫn chấp nhận bồi thường ở mức mà bị hại khai nhận bị thiệt hại. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 54

của Bộ luật hình sự xét xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự. Về vật chứng đồng ý theo đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát.

Các bị cáo thống nhất với ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận gì.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Tr: Ông Nguyễn Nhựt Th và bà Nguyễn Thanh T1 thống nhất với ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận gì và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Tr.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, đã ăn năn hối cãi và xin Hội đồng xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

[1] Về hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, của Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, của Kiểm sát viên trong quá trình tiến hành tố tụng điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, tình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp theo quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Nguyễn Nhựt Tr, Nguyễn Thanh H, Lê Văn Đ và Nguyễn Quốc T đã thừa nhận toàn bộ hành vi của mình là vào khoảng thời gian từ tháng 7 đến tháng 11 năm 2018, bị cáo Nguyễn Nhựt Tr đã thực hiện 05 vụ cướp giật tài sản có tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 27.518.800 đồng; bị cáo Nguyễn Thanh H đã thực hiện 07 vụ có tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 24.608.800 đồng; bị cáo Lê Văn Đ đã thực hiện 03 vụ có tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 6.358.000 đồng; bị cáo Nguyễn Quốc T thực hiện 01 vụ trị giá tài sản là 9.268.000 đồng. Các bị cáo đã có hành vi dùng xe mô tô phân khối lớn chạy trên đường và cướp giật tài sản của các bị hại Trần Thị Kim N, Nguyễn Thị Thanh Tr, Phạm Thị H, Lương Hồng L, Nguyễn Thị Anh T sinh năm 1998, Huỳnh Thị Mỹ C, Nguyễn Thị B và Nguyễn Thị Anh T sinh năm 1986 là dùng thủ đoạn nguy hiểm, có thể gây nguy hiểm đến tính mạng và tài sản của bị hại cũng như người đi đường, nên phải chịu tình tiết tăng nặng định khung hình phạt theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự.

Lời thừa nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn phù hợp với các chứng cứ, tài liệu đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, người có liên quan trong vụ án. Do các bị cáo sử

dụng xe mô tô phân khối lớn chạy trên đường và cướp giật tài sản của các bị hại nên được xác định là dùng thủ đoạn nguy hiểm theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự. Như vậy đã có đủ cơ sở để kết luận, hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Nhựt Tr, Nguyễn Thanh H, Lê Văn Đ và Nguyễn Quốc T đã cấu thành tội "Cướp giật tài sản". Tội danh và hình phạt được quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự năm 2015, nên bản cáo trạng số 14/CT-VKS-TP ngày 15/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố các bị cáo Nguyễn Nhựt Tr, Nguyễn Thanh H, Lê Văn Đ và Nguyễn Quốc T về tội danh và hình phạt đã nêu trên là có căn cứ đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của các bị hại Trần Thị Kim N, Nguyễn Thị Thanh Tr, Phạm Thị H, Lương Hồng L, Nguyễn Thị Anh T sinh năm 1998, Huỳnh Thị Mỹ C, Nguyễn Thị B và Nguyễn Thị Anh T sinh năm 1986, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương nơi xảy ra vụ án, gây tư tưởng hoang mang lo sợ việc bị cướp giật tài sản trong nhân dân mỗi khi có việc phải đi ra đường. Bản thân các bị cáo nhận thức được rằng, hành vi cướp giật tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vì bản chất chay lười lao động, chỉ muốn có tiền để tiêu xài bằng cách toan tính cướp giật tài sản của người khác, nên các bị cáo bất chấp tất cả để thực hiện hành vi phạm tội của mình. Tệ hại hơn là số tiền cướp giật được, các bị cáo tiêu xài vào việc mua ma túy sử dụng nhằm thỏa mãn cơn nghiện của mình, đây là loại tệ nạn mà xã hội và nhân dân đang lên án và bài trừ. Các bị cáo phạm tội với quyết tâm cao, có sự chuẩn bị từ trước, ban ngày dùng xe gắn máy chạy cặp các tuyến lộ tìm đối tượng để thực hiện, lợi dụng sơ hở của bị hại để cướp giật tài sản. Các bị cáo đã có hành vi dùng xe mô tô phân khối lớn chạy trên đường và cướp giật tài sản của các bị hại là dùng thủ đoạn nguy hiểm, có thể gây nguy hiểm đến tính mạng và tài sản của bị hại cũng như người đi đường, nên phải chịu tình tiết tăng nặng định khung hình phạt theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự. Tài sản mà các bị cáo cướp giật của mỗi bị hại có giá trị là không lớn, nhưng đó cũng là giá trị công sức lao động mà mỗi bị hại phải bỏ ra trong một thời gian dài mới có được. Trong một khoảng thời gian ngắn mà các bị cáo đã liên tục thực hiện 08 vụ cướp giật tài sản của các bị hại (đã tìm và xác định được bị hại), từ đó cho thấy ý chí quyết tâm thực hiện tội phạm của các bị cáo. Các bị cáo là những thanh niên trong xã hội, lẽ ra các bị cáo phải học hỏi những điều hay lẽ phải và tích cực lao động để trở thành người có ích cho gia đình và xã hội. Nhưng với bản chất tham lam, chay lười lao động, thích hưởng thụ mà không phải bỏ ra công sức lao động nên các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội của mình. Xã hội đang lên án những hành vi, việc làm như các bị cáo. Do đó cần áp dụng một mức hình phạt thật thỏa đáng, tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo, là cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, để có thời gian giáo dục, cải tạo bản thân các bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội, biết tôn trọng tài sản hợp pháp của người khác, đồng thời để làm thức tỉnh những ai đang mang tư tưởng chiếm đoạt tài sản của người khác như các bị cáo.

[4] Xét về tính chất đồng phạm trong vụ án: Qua điều tra và diễn biến tại phiên tòa hôm nay xác định đây là vụ án có đồng phạm nhưng ở mức độ giản đơn. Bởi

trước khi thực hiện tội phạm các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng mà cùng xuất phát từ ý thức muốn chiếm đoạt tài sản của người đi đường nhằm thỏa mãn nhu cầu cá nhân, khi phát hiện được đối tượng thì các bị cáo cùng thực hiện hành vi cướp giật và sau đó cũng không có việc phân công công việc hay phân chia tài sản đã chiếm đoạt được.

[5] Về đánh giá tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của từng bị cáo và căn cứ áp dụng hình phạt:

[5.1] Trong vụ án này bị cáo Nguyễn Thanh H đã thực hiện 07 vụ có tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 24.608.800 đồng. Trong 07 vụ đã thực hiện, bị cáo thực hiện với vai trò chủ mưu là 02 vụ và tham gia với vai trò đồng phạm là 05 vụ (trong đó trực tiếp giật tài sản là 02 vụ, lái xe để đồng bọn giật tài sản là 02 vụ, và 01 vụ ngồi sau xe tham gia cùng đồng bọn). Khi lấy được tài sản thì đem đi cầm, bán lấy tiền tiêu xài chung. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm, thể hiện tính quyết tâm thực hiện tội phạm đến cùng. Bị cáo thực hiện 07 vụ nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "phạm tội 02 lần trở lên" được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự và bị cáo còn có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội" được quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo có nhân thân xấu, có 01 tiền sự: ngày 02/12/2017, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh T ra Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Thời hạn áp dụng biện pháp giáo dục tại xã là 03 tháng kể từ ngày 02/12/2017 đến ngày 02/3/2018, nhưng sau khi chấp hành xong bị cáo không từ bỏ thói hư tật xấu của mình. Do đó bị cáo phải chịu hình phạt cao trong vụ án. Tuy nhiên cũng có xem xét giảm nhẹ phần nào hình phạt cho bị cáo H, bởi bị cáo cũng đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cãi, đã khắc phục hậu quả bồi thường thiệt hại xong; đây là các tình tiết giảm nhẹ được qui định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; bị hại có đơn bãi nại xin xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là tình tiết giảm nhẹ được qui định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, Hội đồng có xem xét khi nghị án.

[5.2] Đối với bị cáo Lê Văn Đ trong vụ án này đã thực hiện 03 vụ có tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 6.358.000 đồng. Trong 03 vụ đã thực hiện, bị cáo thực hiện với vai trò chủ mưu là 01 vụ và tham gia với vai trò đồng phạm là 02 vụ (trong đó lái xe để đồng bọn giật tài sản là 01 vụ, và 01 vụ bị cáo vừa lái xe, vừa giật tài sản). Khi lấy được tài sản thì cùng đem đi cầm, bán lấy tiền tiêu xài chung. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm, cũng thể hiện tính quyết tâm thực hiện tội phạm đến cùng. Bị cáo thực hiện 03 vụ nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "phạm tội 02 lần trở lên" được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo có nhân thân xấu, có 01 tiền án: ngày 23/11/2017 bị Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 05 (năm) tháng 04 (bốn) ngày tù về tội "Trộm cắp tài sản", tại bản án hình sự sơ thẩm số: 35/2017/HS-ST ngày 23/11/2017 và trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa, nhưng sau khi chấp hành án xong bị cáo không từ bỏ thói hư tật xấu của mình, bị cáo chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục phạm tội, do đó lần phạm tội này là thuộc trường hợp "tái phạm" nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Xét về tính chất mức độ phạm tội bị cáo có thấp hơn so với bị cáo H nên bị cáo phải chịu hình

phạt thấp hơn bị cáo H trong vụ án. Tuy nhiên cũng có xem xét giảm nhẹ phần nào hình phạt cho bị cáo Đ, bởi bị cáo cũng đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cãi, đã khắc phục hậu quả bồi thường thiệt hại xong; đây là các tình tiết giảm nhẹ được qui định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, Hội đồng có xem xét khi nghị án.

[5.3] Đối với bị cáo Nguyễn Nhựt Tr trong vụ án này đã thực hiện 05 vụ cướp giật tài sản có tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 27.518.800 đồng. Trong 05 vụ đã thực hiện, bị cáo thực hiện với vai trò chủ mưu là 02 vụ và tham gia với vai trò đồng phạm là 03 vụ (trong đó trực tiếp giật tài sản là 01 vụ, lái xe để đồng bọn giật tài sản là 02 vụ). Khi lấy được tài sản thì cùng đem đi cầm, bán lấy tiền tiêu xài chung. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm, cũng thể hiện tính quyết tâm thực hiện tội phạm đến cùng. Bị cáo thực hiện 05 vụ nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "phạm tội 02 lần trở lên" được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Xét về tính chất mức độ phạm tội bị cáo có thấp hơn so với bị cáo H nên bị cáo phải chịu hình phạt thấp hơn bị cáo H, nhưng cao hơn các bị cáo khác trong vụ án. Tuy nhiên cũng có xem xét giảm nhẹ phần nào hình phạt cho bị cáo Tr, bởi bị cáo cũng đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cãi, đã khắc phục hậu quả bồi thường thiệt hại xong; đây là các tình tiết giảm nhẹ được qui định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; bị hại có đơn bãi nại xin xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, gia đình bị cáo có công với cách mạng, đây là các tình tiết giảm nhẹ được qui định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Đặc biệt khi phạm tội và khi xét xử bị cáo là người dưới 18 tuổi, nhận thức pháp luật còn hạn chế, việc xử lý đối với bị cáo nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành công dân tốt có ích cho xã hội. Theo quy định tại khoản 1 Điều 101 của Bộ luật hình sự thì hình phạt tù đối với bị cáo không quá 3/4 mức hình phạt tù mà điều luật quy định, Hội đồng có xem xét khi nghị án.

[5.4] Đối với bị cáo Nguyễn Quốc T trong vụ án này đã tham gia thực hiện 01 vụ cướp giật tài sản có tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 9.268.000 đồng và tham gia với vai trò đồng phạm. Khi lấy được tài sản thì cùng đem đi cầm, bán lấy tiền tiêu xài chung. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm, cũng thể hiện tính quyết tâm thực hiện tội phạm đến cùng. Bị cáo có nhân thân xấu, có 01 tiền sự: ngày 12/6/2017, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T2, huyện T, tỉnh T ra Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Thời hạn áp dụng biện pháp giáo dục tại xã là 03 tháng kể từ ngày 12/6/2018 đến ngày 12/9/2018, nhưng sau khi chấp hành xong bị cáo không từ bỏ thói hư tật xấu của mình. Xét về tính chất mức độ phạm tội bị cáo có thấp hơn so với các bị cáo khác trong vụ án nên phải chịu hình phạt thấp hơn so với các bị cáo trong vụ án. Tuy nhiên cũng có xem xét giảm nhẹ phần nào hình phạt cho bị cáo T, bởi bị cáo cũng đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cãi, đã khắc phục hậu quả bồi thường thiệt hại xong; đây là các tình tiết giảm nhẹ được qui định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; bị hại có đơn bãi nại xin xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là tình tiết giảm nhẹ được qui định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, Hội đồng có xem xét khi nghị án.

[6] Về vật chứng của vụ án:

+ Thu giữ và xử lý trong giai đoạn điều tra.

- 01 (một) xe mô tô 02 bánh biển số 51X1-2516 và giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số A1677158, biển số 51X1-2516, số máy: 152FMH-01411512, số khung GHLX-3150000012, tên chủ xe Lý Như M, sinh năm 1955, ngụ số 8/3 Tổ 3, ấp 9, k2, phường B, quận T, TP HCM. Qua điều tra xác minh, xe này là do chị Nguyễn Thị Kiều L, sinh năm 1974, ngụ ấp T, xã T2, huyện T là mẹ ruột của Nguyễn Quốc T mua lại của người khác nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Chị L không biết T sử dụng xe này đi cướp giật tài sản nên Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trao trả lại xe và giấy đăng ký xe cho chị L.

- 01 (một) đồng hồ đeo tay hiệu Quartz; xâu chuỗi được kết bằng hạt nhựa màu nâu đen; dây chuyền màu trắng nêu trên: Qua điều tra, xác định đây là tài sản do chị Trần Thị Kim N làm chủ sở hữu. Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trao trả lại cho chị N.

- 01 (một) xe mô tô 02 bánh biển số 63B3- 032.13 và giấy đăng ký xe; xe mô tô biển số 63AC-041.85. Qua điều tra, xác định đây là tài sản hợp pháp của chị Nguyễn Thanh Th, sinh năm 1984, ngụ ấp 3, xã T, huyện C là mẹ ruột của Nguyễn Nhựt Tr. Chị Th không biết Tr sử dụng xe 63B3-032.13 đi cướp giật tài sản nên Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trao trả lại cho chị Th.

- 01 (một) xe mô tô 2 bánh biển số 63B9- 859.19, 01 nhẫn đeo tay bằng kim loại, màu vàng và 01 chìa khóa xe ô tô màu đen. Qua điều tra xác minh: các tài sản trên đều là tài sản hợp pháp của chị Nguyễn Thị Kim D, sinh năm 1980, ngụ ấp L, xã L, huyện C, tỉnh T là mẹ ruột của Lê Văn Đ làm chủ sở hữu. Chị D không biết Đ sử dụng xe này đi cướp giật tài sản nên Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trao trả lại cho chị D.

- 01 (một) xe mô tô 02 bánh, không có biển số, không còn dàn áo xe, số khung: RLCE5P710AYO41974, số máy bị mài nhẵn, xe đã qua sử dụng và 01 (một) dàn áo xe mô tô đen trắng, bên trên có ghi chữ RC, phía đuôi xe có gắn biển số 63S6-1309, đã qua sử dụng. Đây là các tang vật có liên quan đến vụ trộm cắp tài sản xảy ra ngày 09/11/2018 tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh T do Cơ quan CSĐT Công an huyện C đang thụ lý. Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã bàn giao cho Cơ quan CSĐT Công an huyện C xử lý theo thẩm quyền.

- 01 (một) sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, dài 44cm. Qua điều tra xác định sợi dây chuyền trên là do chị Huỳnh Thị Mỹ C làm chủ sở hữu. Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trao trả lại cho chị C.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Huawei. Qua điều tra xác định điện thoại trên là do chị Nguyễn Thị Anh T, sinh năm 1986, ngụ ấp 6, xã T, huyện C, tỉnh T làm chủ sở hữu. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trao trả lại cho chị T.

Xét thấy việc thu giữ và xử lý trong giai đoạn điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T như trên là phù hợp quy định pháp luật.

+ Hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện T đang tạm giữ:

- 01 (một) xe mô tô 2 bánh biển số 63B9-443.58, màu đen nâu, số máy: RRSJA152FMH*0002553*, số khung không ghi nhận được do có dấu hiệu bị đục, xe đã qua sử dụng.

- 01 (một) sườn xe mô tô có số khung: RRSWCHIRSB1-002553, đã qua sử dụng; 01 sườn xe có số khung: không ghi nhận được; 02 ghi đông xe mô tô, đã qua sử dụng; 02 gấp xe mô tô, đã qua sử dụng và 02 phuộc sau xe mô tô.

- 01 (một) hộp điện thoại di động màu trắng của điện thoại hiệu OPPO A71K.

Xét thấy các vật chứng này là các tài sản thu giữ trong quá trình khám xét khẩn cấp tại nhà Nguyễn Thanh H. Qua điều tra H khai nhận: đối với xe mô tô trên thì H mua phụ tùng xe ở bãi xe cũ ở ngã tư ĐT về lắp ráp lại thành chiếc xe nêu trên nên xe không có giấy đăng ký. Còn các phụ tùng còn lại là còn dư sau khi láp ráp xong. Bị cáo H đã sử dụng để làm phương tiện thực hiện vụ cướp giật tài sản xảy ra ngày 20/11/2018 tại ấp 4, xã T, huyện C, tỉnh T. Hội đồng xét xử xét thấy đối với những vật chứng này còn giá trị sử dụng nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

+ Riêng đối với 02 biên nhận thanh toán kiêm phiếu giao hàng mang tên H L do Điện máy xanh Mỹ Phước xuất do chị Lương Hồng L tự nguyện giao nộp cần lưu theo hồ sơ vụ án.

[7] Đối với hành vi của Nguyễn Thanh H, Trần Thị Kg, Trần Quang K, Trần Văn H, Trần Ngọc S, Lê Thị Cẩm D, Nguyễn Thị H và Đậu Thanh H sau khi nhận tài sản từ các vụ cướp giật trên không biết nguồn gốc là do phạm tội mà có nên không có cơ sở xem xét xử lý hình sự. Riêng Lê Tấn Đ hiện không có mặt ở địa phương. Khi nào Cơ quan điều tra làm việc sẽ điều tra, xử lý sau là phù hợp.

[8] Trong vụ cướp giật xảy ra ngày 23/11/2018, tại ấp 1, xã T1, huyện T, tỉnh T do bị cáo Tr và T thực hiện. Hành vi phạm tội của 02 bị cáo làm cho chị Trần Thị Kim N té ngã xuống đường dẫn đến gãy ngành ngồi mu trái, chấn thương phần mềm bàn chân trái. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, chị N từ chối giám định tỉ lệ thương tật nên không có cơ sở xử lý Tr và T với tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự là "*Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác*", là phù hợp.

Đối với vụ cướp giật xảy ra ngày 23/11/2018, tại ấp 1, xã T, huyện C, tỉnh T do bị cáo H và Đ thực hiện. Hành vi phạm tội của 02 bị cáo làm cho chị Nguyễn Thị Anh T, sinh năm 1986, ngụ ấp 6, xã T, huyện C, tỉnh T té ngã gãy răng, xây xát da ở tay và chân. Tuy nhiên, chị T từ chối giám định tỉ lệ thương tật; Trung tâm pháp y tỉnh T từ chối giám định tỷ lệ thương tật do không có giấy chứng nhận thương tích nên không có cơ sở xử lý H và Đ với tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự là "*Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác*", là phù hợp.

[9] Về trách nhiệm dân sự:

Các bị hại Chị Huỳnh Thị Mỹ C và Nguyễn Thị Anh T, sinh năm 1986, ngụ ấp 6, xã T, huyện C, tỉnh T: không yêu cầu các bị cáo H và Đ bồi thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Các bị hại còn lại đã được bồi thường xong, không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[11] Xét lời đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Tr về việc áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự, xét xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự là không có căn cứ, trái với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận. Về các tình tiết giảm nhẹ là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận và có ghi nhận khi nghị án.

[12] Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử về tội danh, hình phạt, vật chứng, Hội đồng xét xử có ghi nhận khi nghị án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo **Nguyễn Nhựt Tr, Nguyễn Thanh H, Lê Văn Đ và Nguyễn Quốc T** đã phạm tội **"Cướp giật tài sản"**.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử: Phạt bị cáo **Nguyễn Thanh H 05 (năm) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 30/11/2018.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; Điều 38; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử: Phạt bị cáo **Lê Văn Đ 04 (bốn) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 25/12/2018.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1, khoản 2 Điều 52; Điều 90, 91, 101 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử: Phạt bị cáo **Nguyễn Nhựt Tr 03 (ba) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 28/11/2018.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử: Phạt bị cáo **Nguyễn Quốc T 03 (ba) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 28/11/2018.

2. Về vật chứng:

- Áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

+ Tịch thu sung quỹ Nhà nước các vất chứng gồm:

- 01 (một) xe mô tô 2 bánh biển số 63B9-443.58, màu đen nâu, số máy: RRSJA152FMH*0002553*, số khung không ghi nhận được do có dấu hiệu bị đục, xe đã qua sử dụng.

- 01 (một) sườn xe mô tô có số khung: RRSWCHIRSB1-002553, đã qua sử dụng; 01 sườn xe có số khung: không ghi nhận được; 02 ghi đông xe mô tô, đã qua sử dụng; 02 gấp xe mô tô, đã qua sử dụng và 02 phuộc sau xe mô tô.

- 01 (một) hộp điện thoại di động màu trắng của điện thoại hiệu OPPO A71K.

Tất cả số vật chứng trên hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh T đang tạm giữ. Thực hiện việc tịch thu sung quỹ Nhà nước khi án có hiệu lực pháp luật.

+ Tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án 02 (hai) biên nhận thanh toán kiêm phiếu giao hàng mang tên HL do Điện máy xanh Mỹ Phước xuất do chị Lương Hồng L tự nguyện giao nộp cần lưu theo hồ sơ vụ án.

3. Về án phí:

- Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Nhựt Tr, Nguyễn Thanh H, Lê Văn Đ và Nguyễn Quốc T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án tuyên lúc 10 giờ 30 phút ngày 11/7/2019, có mặt các bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị cáo Tr; vắng mặt người bào chữa, các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

4. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo, người bào chữa cho bị cáo Tr, người đại diện hợp pháp cho bị cáo Tr được thực hiện quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được thực hiện quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh T xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh T;
- VKSND huyện T;
- CQĐT CA huyện T;
- Nhà tạm giữ CAH T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Bị cáo, Người đại diện hợp pháp của bị cáo;
- Người bào chữa;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Chí Khanh